

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2017

Hà Nội - Tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
MẪU B 01-DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.426.403.564.079	2.652.121.684.999
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	209.504.271.721	610.572.592.544
1. Tiền	111		160.557.205.054	156.572.592.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.947.066.667	454.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.071.006.104.005	30.262.808.598
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.071.006.104.005	30.262.808.598
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		681.578.144.465	1.921.349.344.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	146.476.326.124	183.568.019.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	26.365.613.104	1.293.096.518.899
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.300.000.000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	510.671.110.787	446.552.726.259
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.234.905.550)	(1.867.919.559)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	429.238.129.046	74.362.069.031
1. Hàng tồn kho	141		433.113.555.633	74.362.069.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.875.426.587)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.076.914.842	15.574.870.182
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	7.449.452.108	831.165.497
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.609.057.916	14.718.449.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.018.404.818	25.254.922
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.858.222.962.583	822.911.725.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.929.781.846	39.962.176.006
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.3	4.932.176.006	4.932.176.006
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	6.997.605.840	30.030.000.000
II. Tài sản cố định	220		490.059.187.709	216.504.600.189
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	489.362.920.362	216.082.922.789
- Nguyên giá	222		1.335.992.530.812	418.572.479.021
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(846.629.610.450)	(202.489.556.232)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	696.267.347	421.677.400
- Nguyên giá	228		1.574.469.126	1.215.469.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(878.201.779)	(793.791.726)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		54.574.283.063	23.495.331.920
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.574.283.063	23.495.331.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	538.422.318.306	531.211.192.148
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		319.330.373.990	242.213.526.357
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		257.226.278.951	288.997.665.791
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(38.134.334.635)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		758.237.391.659	11.738.425.395
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	32.904.976.489	9.219.890.325
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		270.455.586	
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269		725.061.959.584	2.518.535.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.284.626.526.662	3.475.033.410.657

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		814.404.020.356	687.154.842.415
I. Nợ ngắn hạn	310		796.727.101.834	580.915.158.090
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	179.964.267.647	80.923.239.518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.481.465.887	26.130.253.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	31.509.515.392	17.398.038.490
4. Phải trả người lao động	314		29.226.364.517	9.098.385.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	7.926.528.079	3.304.186.522
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		329.618.592	130.641.969
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	417.947.235.462	392.592.687.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	43.875.954.246	50.973.162.973
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		902.633.053	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.563.518.959	364.562.266
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	
II. Nợ dài hạn	330		17.676.918.522	106.239.684.325
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		8.553.216.000	6.353.858.907
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	3.369.840.000	51.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	3.369.074.609	97.369.074.609
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.211.396.913	2.292.359.809
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
D. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		3.470.222.506.306	2.787.878.568.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	3.465.722.906.306	2.783.378.968.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.128.956.762	1.128.956.762
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(47.896.865.264)	(47.896.865.264)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.372.138.648	1.197.575.779
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		256.643.383	247.673.549
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.568.328.304	36.393.901.640
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.224.453.458)	108.408.671.811
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.792.781.762	(72.014.770.171)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		750.251.198.499	47.265.219.802
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.499.600.000	4.499.600.000
1. Nguồn kinh phí	431		4.499.600.000	4.499.600.000
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		4.284.626.526.662	3.475.033.410.657

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		21.733,96	19.840,85
EUR		211,00	
4. Kim khí quý, đá quý			-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2017



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2017

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1.Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	935.898.127.361	461.211.813.122	2.083.724.151.589	1.214.966.009.202
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.670.413.908	1.944.185	5.802.132.645	2.246.275
3.Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ(10 = 01 - 02)	10		933.227.713.453	461.209.868.937	2.077.922.018.944	1.214.963.762.927
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.2	821.340.727.506	443.100.708.713	1.827.863.919.738	1.179.684.727.287
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20 = 10 - 11)	20		111.886.985.947	18.109.160.224	250.058.099.206	35.279.035.640
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.804.429.115	10.436.049.595	65.653.678.500	15.148.725.714
7.Chỉ phí hoạt động tài chính	22	VI.4	2.032.329.813	4.515.952.909	2.946.076.941	6.314.850.914
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.234.553.029</i>	<i>3.632.488.122</i>	<i>2.765.822.251</i>	<i>6.012.690.258</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.313.841.034	(2.825.882.259)	3.098.360.067	3.281.897.497
9.Chỉ phí bán hàng	25	VI.5	73.721.261.665	4.812.388.506	126.080.611.699	8.058.605.465
10.Chỉ phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	38.213.644.128	9.630.368.586	79.617.451.507	26.482.726.547
11.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		28.038.020.490	6.760.617.559	110.165.997.626	12.853.475.925
12.Thu nhập khác	31	VI.6	1.815.928.881	549.603.434	5.721.228.833	2.949.674.909
13.Chỉ phí khác	32	VI.7	2.705.646.807	907.096.933	4.913.284.014	3.764.742.204
14.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(889.717.926)	(357.493.499)	807.944.819	(815.067.295)
15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50		27.148.302.564	6.403.124.060	110.973.942.445	12.038.408.630
16.Chỉ phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	6.494.458.623	1.209.711.043	10.770.562.084	2.461.628.126
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		221.587.184	702.362.247	221.587.184	1.829.113.942
18.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51 - 52)	60		20.432.256.757	4.491.050.770	99.981.793.177	7.747.666.562
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.491.610.618	4.322.908.957	20.794.324.264	8.033.647.595
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		17.940.646.139	168.142.173	79.187.468.913	(285.981.033)
21.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	10	28	83	32

Thành phố Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2017



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

LÂM THỊ THỦY MAI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2017

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND


KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	110.973.942.445	10.410.117.260
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	94.073.087.163	18.589.185.186
- Các khoản dự phòng	03	45.279.380.266	4.930.536.789
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04	1.206.275	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(60.533.911.616)	(17.741.917.920)
- Chi phí lãi vay	06	2.765.822.251	6.012.690.258
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	192.559.526.784	22.200.611.573
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	156.263.469.593	379.456.041.108
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(358.751.486.602)	(10.078.070.889)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	220.276.016.463	(283.937.558.501)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(30.303.372.775)	(29.606.314.920)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(2.742.900.400)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.895.528.958)	(7.719.090.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.295.194.148)	(9.368.791.210)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(17.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	168.853.430.357	58.186.125.961
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(46.616.788.365)	(10.382.366.282)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	(1.631.292.840)	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(671.317.617.680)	(80.754.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	267.949.296.857	9.006.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(77.116.847.633)	(880.523.830.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.771.386.840	109.048.486.217
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.136.509.467	2.840.664.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(468.825.353.354)	(779.088.793.492)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		825.040.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	60.271.237.721	374.956.794.871
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(161.368.446.448)	(621.446.652.338)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(101.097.208.727)	578.550.542.533
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(401.069.131.724)	(142.352.124.998)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	610.572.592.544	416.449.029.291
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	810.901	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	209.504.271.721	274.096.904.293

Thành phố Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2017



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT


HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng


LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần GTNFOODS (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần GTNFOODS được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016. Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.

2. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

- * Địa chỉ: Lô 5 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 90%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 90%

Công ty Cổ phần Tre Công nghiệp Mộc Châu

- * Địa chỉ: Cụm CN Bó Bun, Thị trấn NT Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 96,37%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 96,37%

Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNFOODS

- * Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 100%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 100%

Tổng Công ty Chè Việt Nam -CTCP

- * Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 95 %
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 95%

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam -CTCP

- * Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 65 %
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 65%

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. Công ty liên kết được hợp nhất

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

- * Địa chỉ: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 35%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 35%

Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

- * Địa chỉ: Số 8 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 35%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 35%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Chủ tịch HĐQT có những

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	4.396.452.086	2.266.361.426
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	151.160.752.968	154.306.231.118
Tiền đang chuyển	5.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>48.947.066.667</u>	<u>454.000.000.000</u>
Cộng	<u><u>209.504.271.721</u></u>	<u><u>610.572.592.544</u></u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn (*)	1.071.006.104.005	-	30.262.808.598	-
Dài hạn	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	1.071.006.104.005	-	30.262.808.598	-

(*) Khoản tiền công ty gửi tiết kiệm tại các ngân hàng từ 3 tháng đến 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(*) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	319.330.373.990	199.047.724.800	(32.299.148.391)	242.213.526.357	199.047.724.800	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	65.522.255.787	199.047.724.800	-	65.522.255.787	199.047.724.800	-
Công ty cổ phần chè Kim anh	3.242.731.000	-	-	3.024.375.848	-	-
Công ty chè Phú đa	112.631.061.590	-	-	143.044.800.000	-	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	3.024.375.848	-	-	3.242.731.000	-	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	41.422.300.000	-	-	41.422.300.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng	4.614.583.308	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Gà Giống Châu Thành	1.573.869.086	-	(1.573.869.086)	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam	6.042.617.989	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Phong	7.044.572.416	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đông Giao	2.392.638.008	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	2.629.745.540	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	655.437.752	-	-	-	-	-
Công ty CP Phát triển Giống gia súc Miền Trung	861.183.119	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần An Đại Việt	8.972.667.170	-	(8.013.200.000)	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	3.318.973.219	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	25.949.866.410	-	(22.712.079.305)	-	-	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ phát triển Đông á	11.035.284.098	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong liên doanh, liên kết	18.396.211.650	-	-	(14.042.936.278)	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(*) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	257.226.278.951	-	(4.457.663.646)	288.997.665.791	81.197.121.600	-
Công ty Cổ phần sữa Đà Lạt	4.257.100.000	-	(1.657.663.646)	-	-	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến XNK	4.685.428.501	-	-	-	-	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000	-	-	95.000.000.000	-	-
Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP	-	-	-	65.084.128.991	81.197.121.600	-
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000	-	-	177.000.000	-	-
Công ty cổ phần chè Hà Tĩnh	364.672.800	-	-	364.672.800,00	-	-
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	-	-	30.600.000.000	-	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	-	-	140.000.000,00	-	-
Vườn Quốc Gia Ba Vì	79.580.000	-	-	-	-	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nông Hải Sản Sài Gòn	4.098.734.693	-	(2.800.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần ĐTPT&XNK Gia cầm	2.616.885.131	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	-	-	79.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	45.210.000	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	131.864.000	-	-	131.864.000	-	-

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. Phải thu của khách hàng

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	146.476.326.124	183.568.019.045
Phải thu của khách hàng dài hạn	4.932.176.006	4.932.176.006
Cộng	<u>151.408.326.124</u>	<u>188.500.195.051</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.365.613.104	1.293.096.518.899
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	-	1.266.387.080.000
Cộng	<u>26.365.613.104</u>	<u>1.293.096.518.899</u>

(*) Khoản trả trước cho người bán tại 01/01/2017 là khoản ứng trước cho các cá nhân để mua cổ phần của Tổng công ty chăn nuôi – Vilico nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị quyết HĐQT số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016 và đã được chuyển thành khoản đầu tư công ty con trong kỳ.

4. Phải thu khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	<u>510.671.110.787</u>	<u>446.552.726.259</u>
Phải thu về cổ phần hoá	349.596.814.364	302.341.672.998
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.969.821.820	-
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	31.421.253.343	3.362.380.174
Tạm ứng	32.820.252.899	31.583.572.851
Ký cược, ký quỹ	12.352.402.514	20.872.055.927
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	42.551.488.987	15.000.000.000
Công ty CP Chè Phú Đa	-	3.281.242.825
Nguyễn Thế Hiếu	-	10.000.000.000
Phải thu từ hộ chăn nuôi, khoản chăn nuôi của người lao động	26.031.402.867	-
Phải thu khác	9.856.500.272	60.111.801.484
Dài hạn	<u>6.997.605.840</u>	<u>30.030.000.000</u>
Cộng	<u>517.668.716.627</u>	<u>476.582.726.259</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	197.610.879.498		26.531.401.788	-
Công cụ, dụng cụ	9.302.812.698		2.787.850.581	-
Chi phí SX, KD dở dang	91.417.637.386	(3.875.426.587)	10.884.766.930	-
Thành phẩm	117.520.354.629		23.548.673.025	-
Hàng hóa	17.250.547.295		10.598.908.346	-
Hàng gửi bán	11.324.127		10.468.361	-
Cộng	<u>433.113.555.633</u>	<u>(3.875.426.587)</u>	<u>74.362.069.031</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

6. Chi phí trả trước

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	7.449.452.108	831.165.497
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	5.995.297.401	600.602.063
Chi phí tiền thuê đất 6 tháng đầu năm	1.011.251.242	-
Các khoản khác	442.903.465	230.563.434
Dài hạn	32.904.976.489	9.219.890.325
Chi phí nội thất văn phòng làm việc	3.298.616.733	3.460.103.659
Chi phí thuê văn phòng làm việc	3.205.776.000	
Đàn lợn sinh sản	18.694.960.736	
Công cụ, dụng cụ phân bổ	2.836.482.760	1.275.551.226
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	3.285.845.878	
Tiền thuê đất	357.033.469	
Chi phí tư vấn địa chính	640.302.273	458.058.171
Các khoản khác	585.958.640	4.026.177.269

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	217.752.177.161	162.606.862.599	20.296.005.982	1.852.242.586	16.065.190.694	418.572.479.022
Tăng trong kỳ	275.151.172.691	488.955.209.321	63.160.369.351	643.832.026	98.897.531.564	926.808.114.953
Giảm trong kỳ	522.903.826	1.424.670.614	1.775.709.091	-	5.664.779.631	9.388.063.162
Số cuối kỳ	492.380.446.026	650.695.531.082	81.612.656.465	2.005.954.612	109.297.942.627	1.335.992.530.812
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	118.328.492.172	59.649.161.168	10.707.226.209	1.070.967.700	12.733.708.983	202.489.556.232
Tăng trong kỳ						
Khấu hao trong kỳ	15.528.066.684	14.601.768.459	2.554.954.793	28.000.301	4.399.740.082	29.208.124.194
Tăng do hợp nhất kinh doanh	163.510.457.499	358.773.064.845	35.213.522.990	469.944.754	36.038.742.581	594.005.732.669
Thanh lý, nhượng bán	305.027.232	818.689.856	1.503.618.802	-	3.051.135.628	(5.678.471.518)
Số cuối kỳ	297.034.546.287	444.050.826.369	50.253.519.054	1.589.448.535	53.701.270.205	846.629.610.450
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	99.451.127.825	103.515.586.698	9.466.151.867	318.574.688	3.331.481.711	216.082.922.789
Số cuối kỳ	195.345.899.739	206.644.704.713	31.359.137.411	416.506.077	55.596.672.422	489.362.920.362

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. Tài sản cố định vô hình

	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>TSCĐ khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	70.000.000	287.200.000	623.472.300	591.996.826	1.215.469.126
Tăng trong kỳ	-	-	329.000.000	30.000.000	359.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	70.000.000	287.200.000	952.472.300	264.796.826	1.574.469.126
Giá trị mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	70.000.000	172.490.556	327.457.617	223.843.553	793.791.726
Tăng trong kỳ	-	-	71.206.720	3.333.333	84.410.053
Khấu hao trong kỳ	-	9.870.000	-	-	-
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	70.000.000	182.360.556	398.664.337	227.176.886	878.201.779
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	114.709.444	296.014.683	10.953.273	421.677.400
Số cuối kỳ	-	104.839.444	553.807.963	37.619.940	696.267.347

9. Vay và nợ thuê tài chính**9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	43.875.954.246	40.875.954.246	57.771.237.721	64.868.446.448	50.973.162.973
Vay dài hạn	6.369.074.609	6.369.074.609	1.000.000.000	95.000.000.000	34.091.482.973
Cộng	50.245.028.855	47.245.028.855	58.771.237.721	159.868.446.448	97.369.074.609
					131.460.557.582

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. Phải trả người bán

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	179.964.267.647	80.923.239.518
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	<u>160.583.058.560</u>	<u>80.923.239.518</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Thuế giá trị gia tăng	12.452.897.446	8.305.980.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.357.844.396	4.771.356.804
Thuế thu nhập cá nhân	1.698.307.436	663.673.316
Thuế tài nguyên	4.089.107	2.203.248
Thuế nhà đất và tài nguyên đất	6.973.305.512	2.110.165.879
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các phải nộp khác	4.666.677	1.519.403.900
Cộng	<u>28.491.110.574</u>	<u>17.372.783.568</u>

12. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	<u>9.076.050.422</u>	<u>3.304.186.522</u>
Chi phí đi vay	7.744.897.128	2.261.014.515
Các khoản khác	181.630.951	1.043.172.007
Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>7.926.528.079</u>	<u>3.304.186.522</u>

13. Phải trả khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngắn hạn	<u>417.947.235.462</u>	<u>392.592.687.465</u>
Kinh phí công đoàn	1.009.722.622	379.482.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	2.264.445.563	204.860.485
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác	360.090.137.727	56.672.540.730
Cô tức, lợi nhuận phải trả	6.422.000	-
Phải trả Bộ NN&PTNT về khoản vay quỹ khoa học	1.857.191.000	-
Phải trả Công ty Nissui Tokyo - Tiền NK ủy thác	3.641.514.300	-
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	1.168.589.429	-
Quỹ bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm giá sữa	36.631.071.325	-
Phải trả khoản Thuế TNCN đã tạm nộp thừa	220.160.000	-
Công ty CP ĐTSX & KG GB – Tea	-	14.359.071.507
Michael Louis Rosen	3.606.534.725	6.260.993.826
Yasuyo Asano	441.502.783	1.450.000.000
Nguyễn Thị Phương	-	2.300.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.009.943.987	310.965.738.044
Dài hạn	<u>3.324.840.000</u>	<u>51.000.000</u>

Công ty Cổ phần GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	VND khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND								
Số dư đầu năm trước	748.000.000.000	-	-	-	-	683.081.038	221.299.709	101.951.485.611	146.563.196.533	997.419.062.891
Tăng vốn trong năm trước	752.000.000.000	71.370.400.000	-	-	-	-	-	-	-	823.370.400.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	8.033.647.595	(285.981.033)	7.747.666.562
Tăng khác	-	-	-	-	-	514.494.741	26.373.840	-	-	540.868.581
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(88.825.380.000)	(44.909.565.360)	(133.734.945.360)
Giảm do thoái vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(52.681.205.432)	(52.681.205.432)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.100.288.863)	-	(5.100.288.863)
Số dư cuối kỳ trước	1.500.000.000.000	71.370.400.000	-	-	-	1.197.575.779	247.673.549	16.059.464.343	48.686.444.708	1.637.561.558.379
Số dư đầu kỳ này	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(47.896.865.264)	1.197.575.779	247.673.549	247.673.549	36.393.901.640	47.265.219.802	2.783.378.968.242
Tăng do hợp nhất Vilico	-	-	-	-	-	-	-	(23.518.617.200)	687.174.103.190	663.655.485.990
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	20.794.324.264	79.187.468.913	99.981.793.177
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	913.544.941	101.504.994	1.015.049.935
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	303.485.712	303.485.712
Công ty CP Giống bò sữa Mộc	-	-	-	-	-	-	-	-	(41.782.051.500)	(41.782.051.500)
Châu thanh toán cổ tức đã trích	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
năm trước bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	9.174.562.869	8.969.834	(15.598.765.191)	(17.784.202.908)	(24.199.435.396)
Giảm do hợp nhất Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	(11.369.631.105)	(5.486.329.396)	(16.855.960.502)
áp dụng theo phương pháp giá gốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của VND	Thặng dư vốn cổ VND	Vốn khác của VND	Chênh lệch VND	Quỹ đầu tư VND	Quỹ khác thuộc VND	Lợi nhuận chưa VND	Lợi ích cổ đông VND	Cộng VND
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(774.429.353)	-	(774.429.353)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	-	-	-	(271.999.692)	271.999.692	-
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(47.896.865.264)	10.372.138.648	256.643.383	6.568.328.304	750.251.198.499	3.465.722.906.326

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	250.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	250.000.000
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	250.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Tổng doanh thu	935.898.127.361	461.209.868.937	2.083.724.151.589	1.214.966.009.202
Doanh thu bán hàng	928.518.210.617	461.207.924.752	826.750.318.734	1.214.966.009.202
Doanh thu bán thành phẩm	-	-	1.249.369.276.111	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.379.916.744	-	7.379.916.744	-
Doanh thu trợ cấp trợ giá	224.640.000	-	224.640.000	-
Các khoản giảm trừ DT	2.670.413.908	1.944.185	5.802.132.645	2.246.275

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng bán	819.034.400.974	443.100.708.713	1.825.557.593.206	1.179.582.727.287
Giá vốn của thành phẩm đã bán				
Giá vốn dịch vụ	2.306.326.532	-	2.306.326.532	102.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	(4.324.573.413)	-
Cộng	821.340.727.506	443.100.708.713	1.827.863.919.738	1.179.684.727.287

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.831.246.669	729.522.899	37.247.112.821	3.347.528.110
Lãi bán các khoản đầu tư		9.019.110.536		11.067.982.313
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.404.421.075		2.410.970.874	
Lãi chênh lệch tỷ giá	62.164.778		117.412.830	45.799.131

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	(1.806.284.530)		3.371.061.214	
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp	6.565.300.852		6.565.300.852	
Lãi BH trả chậm, CK thanh toán	3.371.061.214	687.416.160	-	687.416.160
Doanh thu tài chính khác	9.376.519.057		15.941.819.909	
Cộng	28.804.429.115	10.436.049.595	65.653.678.500	15.148.725.714

4. Chi phí tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	1.234.553.029	2.765.349.358	2.588.353.655	6.012.690.258
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	26.812		26.812	
Lỗ bán các khoản đầu tư	-		-	12.953.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá	347.513.893	1.750.603.551	347.583.224	159.729.106
Chi phí tài chính khác	450.236.079		10.113.250	129.477.615
Cộng	2.032.329.813	4.515.952.909	2.946.076.941	6.314.850.914

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	73.721.261.665	4.812.388.506	126.080.611.699	8.058.605.465
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	38.213.644.128	9.630.368.586	79.617.451.507	26.482.726.547

6. Thu nhập khác

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ			117.952.497	2.275.558.635
Thanh lý, nhượng bán vật tư, thành phẩm			1.233.886.500	674.116.274
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được			236.964.115	
Thu nhập từ nhận hỗ trợ			3.705.000.000	
Thuế được giảm				
Các khoản khác	1.815.928.881	549.603.434	1.661.312.221	
Cộng	1.815.928.881	549.603.434	5.721.228.833	2.949.674.909

7. Chi phí khác

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ			1.749.245.337	
Chi phí thanh lý đàn lợn			984.243.982	

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính		627.308.639	343.431.288	
Các khoản bị phạt	101.764.138	279.788.294	156.366.929	2.943.847.694
	2.603.882.669		1.636.466.478	820.894.510
Cộng	2.705.646.807	907.096.933	4.913.284.014	3.764.742.204

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.494.458.623	1.209.711.043	10.770.562.084	2.461.628.126
Điều chỉnh khác				
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6.494.458.623	1.209.711.043	10.770.562.084	2.461.628.126

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.491.610.618	4.322.908.597	20.794.324.264	8.033.647.595
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông				
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.491.610.618	4.322.908.597	20.794.324.264	8.033.647.595
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	250.000.000	150.000.000	250.000.000	150.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10	28	83	54

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Công ty cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu
Công ty cổ phần Nhựa Miền Trung
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty CP
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods
CN Tổng công ty Chè Việt Nam-Công ty CP tại Sơn La

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Chi nhánh của công ty con

